

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023
của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ
phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Ngày 30/01/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW). Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt, thống nhất về tư tưởng, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đối với sự nghiệp phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới trong toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trên địa bàn thành phố.

- Việc ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 43-NQ/TW) và Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 14/4/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030 để cụ thể hoá thành mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng trong tình hình mới.

- Xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị của thành phố trong việc tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Trong quá trình triển khai thực hiện cần đề cao tinh thần chủ động, quyết liệt với những giải pháp, cách làm sáng tạo, hiệu quả gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong việc trực tiếp theo dõi, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện.

II. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển công nghệ sinh học là xu thế của thế giới và là một ưu tiên trong chiến lược phát triển của thành phố Đà Nẵng. Đây là động lực quan trọng để

thành phố thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân.

2. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải dựa trên việc bồi dưỡng, phát huy tối ưu tiềm năng, lợi thế của thành phố Đà Nẵng, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và quốc gia, gắn với học tập và kế thừa những thành tựu khoa học trong nước và quốc tế. Tập trung phát triển một số lĩnh vực trọng điểm, cơ bản, tận dụng được ưu thế về tài nguyên sinh học, tài nguyên biển và vị trí địa lý của thành phố.

3. Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của thành phố; lấy doanh nghiệp làm chủ thể, quyết tâm xây dựng cơ chế, chính sách tốt, tạo được điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nguồn lực, cải tiến cơ chế, chính sách và tạo đà để công nghệ sinh học phát triển mạnh và đóng vai trò quan trọng trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế tại thành phố Đà Nẵng. Phát triển Đà Nẵng trở thành đô thị sinh thái, là hội điểm của nghiên cứu và phát triển (R&D)⁽¹⁾, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, sản xuất và dịch vụ thông minh ở lĩnh vực công nghệ sinh học. Ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; phát triển mạnh kinh tế sinh học đóng góp tích cực vào tổng sản phẩm xã hội (GRDP) của thành phố và cả nước, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 43-NQ/TW.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Cơ chế, chính sách cho hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển công nghiệp sinh học, kinh tế sinh học được hoàn thiện, cải tiến đạt trình độ tương đương của các quốc gia tiên tiến, trong đó có nhiều ưu điểm mang tính đặc thù, sáng tạo của thành phố. Nhân lực, trang bị và hạ tầng công nghệ sinh học tại thành phố đạt mức tiệm cận trình độ tiên tiến của Đông Nam Á, một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến của Châu Á và thế giới.

- Đà Nẵng cơ bản trở thành một đô thị sinh thái, trung tâm mạnh của quốc gia và Đông Nam Á về nghiên cứu khoa học, R&D, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực, phát triển công nghiệp sinh học và kinh tế sinh học, với các lĩnh vực có thế mạnh là y - dược, chăm sóc sức khỏe, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, môi trường, kinh tế biển và du lịch sinh học.

- Doanh nghiệp công nghiệp sinh học tăng 50% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng. Công nghiệp sinh học đóng góp tối thiểu 10%; kinh tế sinh học đóng góp tối thiểu 25% tổng sản phẩm xã hội (GRDP) của thành phố.

⁽¹⁾ R&D: Research and Development.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Đà Nẵng trở thành đô thị sinh thái, thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, sản xuất và dịch vụ thông minh lĩnh vực công nghệ sinh học đạt đẳng cấp khu vực Châu Á. Công nghiệp sinh học đóng góp tối thiểu 20% và kinh tế sinh học đóng góp tối thiểu 40% vào tổng sản phẩm xã hội (GRDP) của thành phố.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong xây dựng, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW**

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 36-NQ/TW và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh việc tuyên truyền trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp, liên minh hợp tác xã, tổ hợp tác về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc tổ chức triển khai, hiệu quả thực hiện Nghị quyết tại địa phương, đơn vị và lĩnh vực mình phụ trách. Đưa nội dung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào nội dung, nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực hằng năm.

2. **Tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách**

- Kịp thời phát hiện và đề xuất giải pháp khắc phục các bất cập về cơ chế, chính sách trong hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến phát triển nguồn lực, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, đặc biệt là cơ chế, chính sách về trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, mời gọi chuyên gia, phát huy nguồn lực từ xã hội và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh. Khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi, vùng biển và hải đảo. Khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm môi liên kết, gắn bó các đơn vị nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; xây dựng, triển khai các chương trình khoa học và công nghệ cấp thành phố, liên vùng và quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lĩnh vực kinh tế sinh học của Đà Nẵng và miền Trung - Tây Nguyên.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp chuẩn hoá sản phẩm và dịch vụ, xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở và tích cực tham gia hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học.

3. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển công nghiệp sinh học và kinh tế sinh học

- Ưu tiên đầu tư nghiên cứu, phát triển công nghệ và sản phẩm giá trị cao như: Thuốc, thực phẩm chức năng, thực phẩm mới, sản phẩm, giải pháp chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe, du lịch sinh học, bảo vệ môi trường và sinh thái. Chú trọng tích hợp công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo và công nghệ vật liệu để phát triển các công cụ, công nghệ mới như: Tin sinh học, các công nghệ sinh học “omics”, sức khỏe kỹ thuật số, sinh học tổng hợp, y học cá nhân hóa, thu thập và phân tích dữ liệu sinh học, tự động hoá và tối ưu hóa các quy trình R&D, dịch vụ và công nghiệp sinh học.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, giống có nguồn gốc bản địa và giống đặc hữu địa phương có giá trị cao; tăng cường ứng dụng các vắc-xin và chế phẩm sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm, mới phát sinh; nghiên cứu bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý, hiếm.

- Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế biển.

- Phát triển du lịch và giáo dục trải nghiệm dựa trên kinh tế sinh học. Phát triển các loại hình tham quan, ngoại khoá tại các cơ sở nghiên cứu và sản xuất sinh học, các sự kiện kết nối trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công nghệ và kinh tế sinh học, các mô hình ứng dụng thành tựu sáng tạo của công nghệ sinh học (trong khám bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, bảo vệ đa dạng sinh thái và phát huy tài nguyên sinh học...).

- Chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hoá học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu; sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Xây dựng và phát triển nguồn lực

- Chú trọng xây dựng đội ngũ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sinh học. Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, viên chức tại các đơn vị nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung cấp dịch vụ lĩnh vực công nghệ sinh học để đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN, hướng đến sớm đạt trình độ của các trung tâm

nghiên cứu lớn tại các quốc gia tiên tiến về công nghệ sinh học. Hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và trao đổi nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao.

- Đầu tư vào phát triển tài năng và lao động có tay nghề cao với chuyên môn trong nhiều lĩnh vực, bao gồm sinh học, hóa học, kỹ thuật và khoa học dữ liệu. Phối hợp xây dựng các mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học hiệu quả, tiên tiến từ giáo dục phổ thông đến đại học và sau đại học. Tăng cường liên kết giữa các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức ngành khoa học và công nghệ thông qua các chương trình bồi dưỡng chất lượng cao với nội dung mang tính đột phá tại các quốc gia phát triển hàng đầu về công nghệ sinh học, công nghệ sinh học và kinh tế sinh học. Có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với học sinh, sinh viên tài năng chọn học các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học và các lĩnh vực liên quan.

- Tập trung đầu tư phát triển và hiện đại hoá công nghệ sinh học trong y tế, chăm sóc sức khỏe, công nghiệp chế biến, canh tác nông - lâm - ngư nghiệp, y tế, vật liệu mới, đảm bảo an toàn sinh học và thực phẩm. Ưu tiên ngân sách nhà nước để đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, phát triển công nghệ và sản phẩm mới phục vụ con người, bảo tồn và phát huy tài nguyên sinh học, phục vụ đặc lực chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.

- Đẩy nhanh tiến độ Đề án “Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển vùng Nam Trung Bộ”; đồng thời, đầu tư phát triển Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng trở thành đơn vị mạnh về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố, đặc biệt là trong y - dược, nông nghiệp và bảo vệ môi trường, để nhanh chóng phát triển trở thành hội điểm về hoạt động R&D, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, là công viên khoa học - công nghệ lĩnh vực sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng và vùng Nam Trung Bộ. Ưu tiên nguồn lực của thành phố để tăng cường năng lực; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực; đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng và hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng; phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng. Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh. Hiện đại hóa hệ thống phòng thí nghiệm và xét nghiệm công nghệ sinh học và các trung tâm đánh giá, kiểm định.

- Hỗ trợ các đơn vị nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp công nghệ sinh học, nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, hiện đại hoá công nghệ, thương mại hoá công nghệ và sản phẩm mới, nghiên cứu và triển khai sản xuất sản phẩm quy mô công nghiệp, xây dựng thương hiệu, xác lập và khai thác quyền sở

hữu trí tuệ, khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới.

- Tập trung vào đổi mới sáng tạo, trong đó ưu tiên sự đổi mới trong tất cả các khía cạnh của chiến lược, từ nghiên cứu và phát triển, đến sản xuất và đưa vào thị trường; chủ động, tích cực ứng dụng thành tựu từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xác định và hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học và kinh tế sinh học như: Phát triển các liệu pháp mới cho các bệnh hiếm gặp, giải pháp và dịch vụ mới phục vụ khám - chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, môi trường - sinh thái và du lịch, phát triển vật liệu và năng lượng sinh học, điện tử sinh học... Hỗ trợ hình thành các quan hệ đối tác công - tư để hỗ trợ nghiên cứu phát triển và thương mại hóa công nghệ. Hỗ trợ để phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên lĩnh vực kinh tế sinh học của thành phố Đà Nẵng và miền Trung - Tây Nguyên.

5. Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà thành phố Đà Nẵng và Việt Nam tham gia. Quan tâm nghiên cứu, tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao của quốc tế vào thành phố. Hợp tác với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển để nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế - xã hội bền vững.

- Xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác quốc tế trong ngành công nghệ sinh học, bao gồm các trường đại học, viện nghiên cứu và khu vực tư nhân để thúc đẩy đổi mới và hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Tạo văn hoá hợp tác để kết nối mật thiết các bên liên quan trong toàn bộ hệ sinh thái công nghệ sinh học và kinh tế sinh học.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy; xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp với tình hình, điều kiện của từng ngành, địa phương, đơn vị; phân công trách nhiệm, thời gian hoàn thành cụ thể và định kỳ hằng năm có đánh giá kết quả thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố chỉ đạo nghiên cứu các cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp với tình hình thực tiễn thành phố và yêu cầu của Nghị quyết số 36-NQ/TW.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, trong đó lưu ý phân công rõ nhiệm vụ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện; hoàn

thành **trong tháng 7/2023**; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy; báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định.

4. Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này với hình thức phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/c);
- Ban Kinh tế Trung ương (để b/c);
- Các cơ quan TW Đảng tại miền Trung,
- Các cơ quan Đảng thuộc Thành ủy,
- Các BCSD, đảng đoàn, BTV Thành Đoàn,
- Các sở, ban, ngành và tương đương,
- Quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Các đ/c Thành ủy viên,
- Lưu Văn phòng Thành ủy

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Văn Quảng

hannq-23/06/2023 16:04:08-hannq-hannq



hannq-23/06/2023 16:04:08-hannq-hannq-hannq